

Thứ hai, ngày 6 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/1/2020		●	
Tuần 6/1-10/1/2020		●	
Tháng 1/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giao dịch kém tích cực trong cả phiên sáng và chiều. Thị trường hoàn toàn nghiêng về phía bên bán với 251 mã giảm điểm. Đặc biệt, có đến 26 cổ phiếu giảm giá trong nhóm VN30 như VCB, VHM, BID, VIC, VRE,... Đây cũng là các yếu tố chính nhanh chóng kéo thị trường xuống dưới mốc tham chiếu. Mặc dù vậy, nhóm ngành Dầu khí dưới sự dẫn dắt của các mã GAS, PLX, PVD, PVS,... vẫn có được đà tăng tốt. Chỉ số vận động đồng pha với các TTCK lớn khác trong khu vực khi tâm lý nhà đầu tư có phần cẩn trọng những diễn biến khó lường và đang có dấu hiệu leo thang của căng thẳng địa chính trị vùng Trung Đông.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/1/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_ Dầu khí 3.1%. 6/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.1%**, con số này của VNINDEX là -1.0%

Phân tích kỹ thuật: PVD_Tăng ngắn hạn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-9.35 điểm**, đóng cửa 955.79. HNX-Index **-1.61 điểm**, đóng cửa 101.23.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.75); GEX (+0.20); EIB (+0.09); PGD (+0.09); PVD (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.56); VHM (-1.71); BID (-1.05); VIC (-0.79); VRE (-0.62)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,254 tỷ đồng**, **-8.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.61 điểm. Thị trường có 90 mã tăng, 41 mã tham chiếu và 251 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **29.91 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (26.40 tỷ), MSN (16.78 tỷ) và ROS (15.10 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.55 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

955.79

Giá trị: 2254.67 tỷ

-9.35 (-0.97%)

Khối ngoại (ròng): 29.91 tỷ

HNX-INDEX

101.23

Giá trị: 283.27 tỷ

-1.16 (-1.13%)

Khối ngoại (ròng): -2.55 tỷ

UPCOM-INDEX

55.88

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.77 (-1.36%)

Khối ngoại (ròng): -2.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	64.2	1.86%
Giá vàng	1,575	1.49%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,867	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,459	0.11%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	5.34%
LS TPCP 5 năm	2.2%	2.38%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	26.4	VHM	34.1
MSN	16.8	VIC	20.5
ROS	15.1	VCB	17.2
VNM	13.9	POW	8.8
CTG	10.9	PVD	8.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.1%**, con số này của VNINDEX là -1.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **9/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Dầu khí	3.1%	3.3%	0.5%	-2.2%	-8.8%	10.2%	26.4%	22.9%
Nước & Năng lượng	0.4%	-0.7%	-1.9%	-5.7%	-9.2%	8.6%	46.1%	14.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-1.0%	-0.1%	2.0%	-5.5%	19.7%	50.7%	14.5%
Vật liệu Xây dựng	-0.7%	-1.0%	-2.3%	-1.9%	-1.5%	10.1%	6.2%	18.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.8%	-0.9%	-3.2%	-5.6%	-12.8%	-9.5%	44.1%	21.3%
Lãi suất giảm	-0.9%	0.1%	-1.2%	-7.8%	-9.1%	3.0%	52.4%	17.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.0%	-0.2%	0.3%	-3.4%	5.5%	17.6%	85.4%	16.0%
Chiến tranh thương mại	-1.0%	0.8%	-2.4%	-6.3%	-11.8%	5.8%	12.1%	15.5%
Xây dựng	-1.1%	-0.2%	-2.6%	-16.0%	-16.3%	-12.6%	20.6%	18.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.1%	-0.6%	-2.1%	-3.8%	-2.2%	8.3%	77.1%	13.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.1%	-0.7%	-1.6%	-7.2%	-1.9%	6.6%	57.9%	14.4%
Hàng tiêu dùng	-1.1%	-0.9%	-2.5%	-11.0%	-4.9%	3.0%	56.0%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.1%	-0.7%	0.6%	-4.1%	8.3%	17.8%	77.1%	17.2%
FTSE Việt Nam	-1.2%	-0.5%	-1.6%	-2.7%	-0.2%	10.3%	87.2%	14.9%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.3%	-1.5%	-1.6%	-4.3%	-2.8%	7.8%	59.8%	16.3%
VN Diamond	-1.3%	-0.4%	0.7%	-4.1%	9.6%	18.0%	71.7%	16.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.4%	-0.7%	1.0%	-1.7%	11.5%	31.5%	123.5%	18.8%
VN FinSelect	-1.6%	0.0%	0.2%	-3.5%	4.1%	9.7%	41.9%	18.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.7%	0.0%	0.6%	-3.1%	6.1%	12.2%	49.1%	19.6%
Ngân hàng	-1.8%	-0.4%	2.4%	-0.3%	13.7%	20.0%	92.7%	22.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 12	0.1%	-0.4%	0.0%	-1.5%	2.6%	24.7%	78.8%	18.4%
Danh mục 18	-0.2%	-0.8%	0.6%	-1.1%	-1.5%	9.6%	126.0%	17.9%
Danh mục 5	-0.6%	-0.7%	-0.7%	-3.3%	-1.7%	16.8%	67.1%	17.1%
Danh mục 17	-1.2%	-1.2%	-5.4%	-9.6%	-6.1%	16.7%	136.0%	18.7%
Danh mục 8	-1.3%	-1.9%	0.2%	-2.8%	2.4%	16.6%	61.8%	17.2%

* Note **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.2%	0.2%	-0.8%	-4.1%	1.8%	27.1%	94.7%	20.0%
Danh mục 22	-0.6%	-0.4%	1.3%	-2.5%	6.5%	23.1%	68.6%	16.3%
Danh mục 21	-0.6%	-0.2%	0.7%	-4.0%	5.2%	19.8%	64.9%	15.6%
Danh mục 23	-1.1%	-2.1%	-5.6%	-9.0%	-8.4%	15.9%	92.0%	18.9%
Danh mục 20	-1.1%	-1.5%	0.1%	-2.3%	5.5%	18.7%	62.1%	16.6%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-1.0%	-0.8%	-0.8%	-3.3%	-1.8%	7.2%	43.9%	15.4%
VN30INDEX	-1.2%	-0.5%	-0.8%	-4.7%	-0.4%	1.9%	40.5%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

1/6/2020

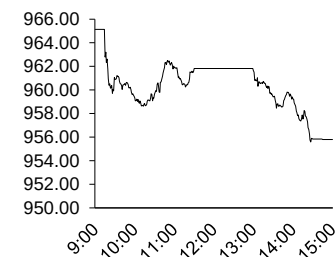
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

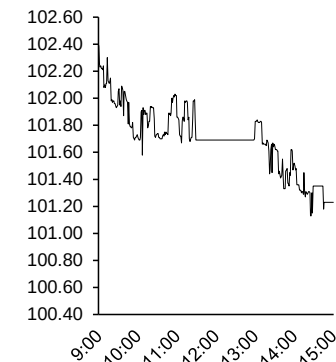
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.9%
Truyền thông	1.4%
Dầu khí	1.2%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.9%
Ô tô và phụ tùng	0.2%
Viễn thông	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	-0.5%
Công nghệ Thông tin	-0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.6%
Y tế	-0.6%
Thực phẩm và đồ uống	-0.7%
Bán lẻ	-0.7%
Dịch vụ tài chính	-0.9%
Hóa chất	-1.0%
Du lịch và Giải trí	-1.3%
Bất động sản	-1.4%
Xây dựng và Vật liệu	-1.4%
Bảo hiểm	-1.6%
Ngân hàng	-2.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PVD_Tăng ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: PVD đang trong quá trình hồi phục sau khi đã ở trong xu hướng giảm trung hạn từ tháng 8. Trong ngày hôm nay, thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh đã đẩy giá PVD tạo gap ngay từ đầu phiên và duy trì dao động quanh mốc 15.8 đến cuối phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cũng chuyển sang trạng thái tích cực. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn. Tuy nhiên, do các đường EMA chưa tạo Golden Cross nên chưa thể chắc rằng đợt tăng giá này là bền vững. Đồng thời, cổ phiếu cũng dần tiếp cận vùng kháng cự 16-17 nên áp lực chốt lời tại khu vực này là có thể xảy ra. Theo đánh giá của chúng tôi, đà giảm giá trung hạn của PVD vẫn chưa thực sự kết thúc và cơ hội mua thực sự chỉ đến khi cổ phiếu trở về vùng giá xung quanh 13.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kết quả kinh doanh năm 2019 dự kiến khởi sắc với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt ước đạt 5,370 tỷ đồng (-2.4% yoy) và 350 tỷ đồng (+72% yoy). Nếu loại trừ khoản nợ quá hạn từ PVEP, lợi nhuận cốt lõi của PVD ước đạt 219 tỷ đồng (+16.3% yoy), EPS cốt lõi đạt 912 đồng/cp. PE FW cốt lõi 2019 đạt 19.3 lần.

Rủi ro đầu tư

Giá cho thuê giàn khoan cải thiện chậm và tiến độ triển khai các dự án dầu khí bị chậm lại.

_ Biên lợi nhuận gộp cải thiện thấp hơn dự kiến._

Luận điểm đầu tư

- (1) Hiệu suất sử dụng giàn cải thiện tốt dự kiến đạt 94% trong năm 2019
- (2) Giá các giàn khoan ký kết hợp đồng mới (giàn VI) tăng từ mức khoảng 55,000- 60,000 USD/ngày lên mức 60,000-65,000 USD/ngày.
- (3) Nhiều hợp đồng dài hạn được ký hơn trong năm 2019 giúp đảm bảo hiệu suất sử dụng giàn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: PVD 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

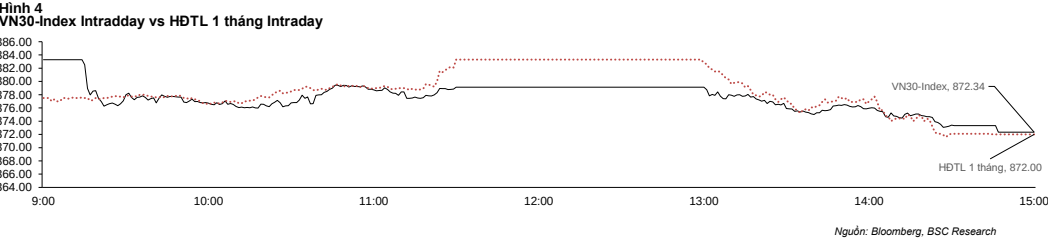
HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2001	872.00	-0.85%	-0.34	19.0%	83770	1/16/2020	12
VN30F2002	874.00	-0.79%	1.66	2.8%	181	2/20/2020	47
VN30F2003	879.00	-1.19%	6.66	5.5%	134	3/19/2020	75
VN30F2006	884.00	-0.84%	11.66	136.8%	90	6/18/2020	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -10.94 điểm xuống mức 872.34 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, VCB, VHM, và VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực đầu phiên sáng sau đó vận động tích lũy quanh 878 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục giảm xuống dưới 875 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy kéo dài quanh vùng 865-880 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT1906	HSC	4/8/2020	93	5:1	48,520	-92.4%	5.0 triệu	20.96%	1,700	1,330	2.31%	549.70	2.42
CMWG1907	HSC	4/8/2020	93	10:1	33,120	-81.3%	5.0 triệu	22.20%	1,900	970	0.00%	203.80	4.76
CVNM1905	MBS	4/28/2020	113	10:1	23,060	-74.3%	1.5 triệu	18.13%	2,500	1,080	0.00%	200.10	5.40
CSBT1901	KIS	2/14/2020	39	1:1	10	n/a	2.0 triệu	16.15%	1,500	690	0.00%	0.90	766.67
CHPG1907	SSI	4/22/2020	107	1:1	4,410	-96.5%	1.0 triệu	25.11%	4,200	4,790	-0.62%	3,548.30	1.35
CVIC1902	SSI	4/22/2020	107	1:1	3,500	-37.5%	1.0 triệu	14.77%	22,700	13,620	-1.16%	4,319.20	3.15
CVIC1903	KIS	5/15/2020	130	10:1	110	-95.8%	4.0 triệu	14.77%	1,430	1,210	-2.42%	174.80	6.92
CVJC1901	KIS	2/26/2020	51	10:1	1,700	-80.4%	5.0 triệu	13.89%	1,800	1,460	-2.67%	1,848.40	0.79
CHPG1908	MBS	1/22/2020	16	2:1	113,610	4.4%	2.0 triệu	25.11%	1,450	1,820	-2.67%	1,796.50	1.01
CVNM1903	SSI	4/22/2020	107	1:1	11,420	-56.8%	1.0 triệu	18.13%	26,600	14,030	-2.91%	4,159.00	3.37
CVNM1904	HSC	4/8/2020	93	10:1	310	-98.9%	5.0 triệu	18.13%	1,900	750	-3.85%	59.80	12.54
CREE1903	SSI	4/22/2020	107	1:1	12,860	73.8%	1.0 triệu	22.48%	7,600	4,800	-4.95%	2,260.40	2.12
CPNJ1902	MBS	1/22/2020	16	5:1	52,190	-40.1%	1.5 triệu	21.69%	2,220	1,710	-5.00%	1,401.90	1.22
CVJC1902	SSI	4/22/2020	107	1:1	3,780	-67.2%	1.0 triệu	13.89%	27,900	26,500	-5.29%	17,973.00	1.47
CREE1904	VND	1/9/2020	3	2:1	127,510	228.3%	3.0 triệu	22.48%	3,400	1,250	-5.30%	1,231.70	1.01
CHPG1909	KIS	5/15/2020	130	2:1	176,610	13.8%	5.0 triệu	25.11%	1,800	1,410	-5.37%	668.70	2.11
CREE1902	SSI	1/22/2020	16	1:1	22,500	-15.4%	1.0 triệu	22.48%	5,600	1,880	-6.93%	973.90	1.93
CVRE1902	HSC	4/8/2020	93	4:1	158,660	525.4%	5.0 triệu	21.87%	1,300	1,200	-6.98%	586.50	2.05
CTCB1902	VND	6/5/2020	151	3:1	91,110	72.5%	2.0 triệu	21.66%	5,300	4,010	-10.49%	2,816.80	1.42
CVHM1902	SSI	4/22/2020	107	1:1	45,270	267.5%	1.0 triệu	21.80%	18,600	8,810	-14.05%	3,726.20	2.36
CVHM1901	KIS	2/7/2020	32	4:1	140	40.0%	5.0 triệu	21.80%	3,100	1,170	-31.18%	96.40	12.14
CTCB1901	MBS	1/17/2020	11	2:1	45,190	-63.8%	2.0 triệu	21.66%	1,680	300	-40.00%	89.70	3.34
Tổng:					930,260		39.50 triệu	20.04%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/1/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.
- Về giá, CTCB1901 và CVHM1901 giảm mạnh lần lượt là -40.00% và -31.18%. Thanh khoản thị trường giảm -37.15% CMBB1906 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.63% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, REE và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG1908 và CHPG1907 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. PNJ điều chỉnh giảm sau khi không thành công vượt qua ngưỡng 88. Thanh khoản tăng mạnh trong phiên hôm nay, đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của PNJ có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
GAS	97.80	3.16	0.40
EIB	17.50	1.45	0.36
CTG	21.35	0.23	0.02
SBT	18.60	0.00	0.00
REE	36.45	-0.14	-0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.1	-2.54	-1.88
VPB	20.0	-2.21	-1.04
VCB	87.5	-2.67	-0.98
VHM	83.4	-2.11	-0.93
VJC	146.0	-1.35	-0.72

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1906	65,500	57,000	57,000
CMWG1907	144,000	125,000	114,700
CVNM1905	150,725	125,725	117,400
CSBT1901	22,712	21,212	18,600
CHPG1907	25,200	21,000	24,000
CVIC1902	137,700	115,000	114,500
CVIC1903	137,300	123,000	114,500
CVJC1901	163,678	145,678	146,000
CHPG1908	23,400	20,500	24,000
CVNM1903	145,580	118,980	117,400
CVNM1904	152,000	133,000	117,400
CREE1903	43,600	36,000	36,450
CPNJ1902	90,100	79,000	85,800
CVJC1902	157,900	130,000	146,000
CREE1904	40,800	34,000	36,450
CHPG1909	28,280	24,680	24,000
CREE1902	41,600	36,000	36,450
CVRE1902	37,700	32,500	33,650
CTCB1902	26,300	21,000	23,050
CVHM1902	103,600	85,000	83,400
CVHM1901	102,288	89,888	83,400
CTCB1901	26,860	23,500	23,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.7	-0.5%	0.8	2,208	1.9	8,321	13.8	4.5	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.8	-1.2%	1.0	840	2.6	4,839	17.7	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	67.6	-1.5%	1.3	2,182	0.4	1,889	35.8	3.0	31.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.1	0.3%	0.7	312	0.1	2,801	11.1	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.5	-0.7%	1.0	16,770	1.5	1,589	72.0	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	33.7	-2.7%	1.1	3,325	1.0	1,033	32.6	2.8	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.8	-0.4%	0.8	2,352	0.7	3,187	17.5	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	36.5	-0.1%	1.0	491	0.8	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.7	-1.4%	1.4	313	0.6	3,215	4.3	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.2	-0.3%	1.4	402	1.1	1,769	10.3	1.0	54.9%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.6	-1.4%	1.0	204	0.0	5,067	5.6	1.3	37.0%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.9	-1.7%	1.5	277	1.0	1,287	16.2	1.5	56.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.0	-1.0%	0.9	1,681	2.7	4,688	12.2	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	44.0	0.0%	0.4	476	0.0	4,156	10.6	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	97.8	3.2%	1.7	8,138	1.8	5,886	16.6	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	57.3	0.4%	1.5	2,967	1.2	3,467	16.5	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	19.0	5.0%	1.6	395	4.5	2,062	9.2	0.7	21.6%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.5	4.9%	0.8	1,146	1.4	1,163	7.3	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.2	0.0%	0.5	518	0.0	4,535	20.1	3.8	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.7	-0.8%	0.8	216	0.2	650	19.6	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.3	-1.7%	0.7	145	0.2	625	10.1	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.5	-2.7%	1.3	14,110	3.4	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	45.8	-1.9%	1.6	8,009	1.6	2,109	21.7	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.4	0.2%	1.6	3,456	3.0	1,641	13.0	1.1	29.5%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.0	-2.2%	1.2	2,114	1.5	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.0	-1.4%	1.2	2,118	2.4	3,261	6.4	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.5	-2.2%	1.1	1,621	1.3	3,585	6.3	1.4	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	44.7	-0.7%	0.8	159	0.1	5,073	8.8	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.5	0.0%	0.3	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	15.0	-1.3%	1.3	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.0	-0.6%	1.0	2,881	5.6	2,526	9.5	1.4	38.0%	17.4%
HSG	Thép	8.0	0.5%	1.6	148	1.7	890	9.0	0.6	17.8%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.4	-0.8%	0.7	8,889	2.5	5,527	21.2	7.5	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	223.8	-0.4%	0.8	6,240	0.3	7,365	30.4	8.0	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.6	-1.6%	1.2	2,877	1.4	4,512	12.5	2.0	39.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.0%	0.6	474	0.9	440	42.3	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	73.9	-0.4%	0.8	6,995	0.1	2,630	28.1	5.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.0	-1.4%	1.1	3,325	2.1	9,850	14.8	5.6	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	33.5	-1.8%	1.7	2,066	0.3	1,747	19.2	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	22.3	-2.2%	0.8	287	0.2	1,949	11.4	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.6	1.5%	0.6	203	0.2	2,571	6.5	1.1	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.5	-3.7%	1.0	456	1.0	8,338	7.9	3.3	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	0.0%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	0.0%	0.8	242	0.1	1,912	7.6	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	52.6	-1.3%	0.8	174	0.1	9,842	5.3	0.5	47.6%	9.3%
VCG	Xây dựng	25.9	-0.8%	1.1	497	0.2	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.0	-0.4%	0.4	248	0.1	1,845	12.5	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.4	-3.0%	0.6	1,156	1.0	820	13.8	1.1	13.7%	7.8%
NT2	Điện	21.4	-0.2%	0.6	268	0.1	2,721	7.9	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	97.80	3.16	1.68	431090.00
GEX	20.50	6.77	0.19	206400.00
EIB	17.50	1.45	0.09	56180.00
PGD	54.00	6.30	0.08	1130.00
PVD	15.85	4.28	0.08	6.01MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.00	4.97	0.22	5.45MLN
PGS	28.00	4.09	0.04	2200.00
PVX	1.20	9.09	0.02	443600.00
ICG	9.00	9.76	0.01	200.00
VNT	51.00	9.91	0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	87.50	-2.67	-2.60	880110.00
VHM	83.40	-2.11	-1.76	1.03MLN
BID	45.80	-1.93	-1.06	794490.00
VIC	114.50	-0.69	-0.79	301910.00
VRE	33.65	-2.75	-0.65	682790.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.50	-2.17	-0.81	1.29MLN
SHB	6.40	-1.54	-0.11	2.22MLN
VCS	65.50	-3.68	-0.08	338300.00
VNR	19.80	-10.00	-0.05	100.00
CEO	8.90	-3.26	-0.04	605500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.38	6.96	0.00	10.00
VNL	15.40	6.94	0.00	260.00
DTL	24.70	6.93	0.03	1000.00
SAM	8.82	6.91	0.04	83750.00
GTA	12.40	6.90	0.00	290.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	20.0	0.01	596800.00
SPI	1.00	11.1	0.00	114500.00
VNT	51.00	9.9	0.01	200.00
BXH	8.90	9.9	0.00	10000.00
VLA	14.60	9.8	0.00	6200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCG	6.93	-6.98	-0.02	649960.00
KPF	22.75	-6.95	-0.01	10.00
D2D	68.30	-6.95	-0.03	619600.00
ATG	0.67	-6.94	0.00	68140.00
ROS	14.10	-6.93	-0.17	7.52MLN

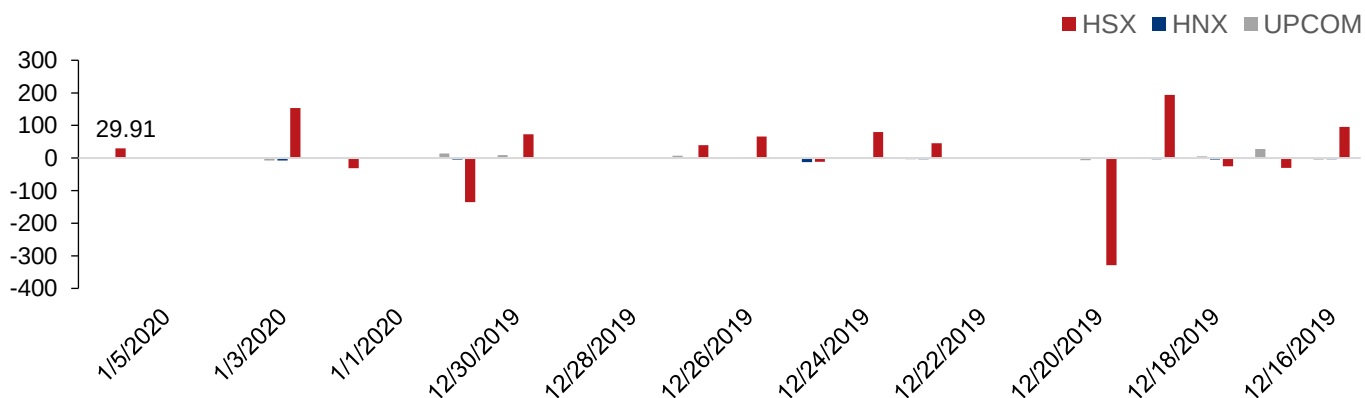
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHP	6.60	-13.16	-0.01	100.00
CTP	3.60	-10.00	0.00	9200.00
FID	0.90	-10.00	0.00	1500.00
VHE	5.40	-10.00	0.00	5400.00
VIG	0.90	-10.00	0.00	35200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	162.9	n/a	5.6	4.4	Click
2	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	15.9	0	14.9	0.5	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	114.7	8,321	13.8	4.5	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.5	3,585	6.3	1.4	Click
5	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.3	2,692	4.6	0.7	Click
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.1	2,660	8.7	1.4	Click
7	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	117.0	6,216	18.8	7.1	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	87.5	5,274	16.6	4.0	Click
9	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	30.3	9,530	3.2	1.6	Click
10	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	57.0	4,688	12.2	2.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	23.0	3,491	6.6	1.1	Click
12	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.3	2,246	7.7	0.8	Click
13	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	33.0	3,678	9.0	0.6	Click
14	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	56.6	4,512	12.5	2.0	Click
15	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	117.4	5,527	21.2	7.5	Click
16	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.2	2,887	7.3	1.5	Click
17	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	36.5	5,614	6.5	1.1	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	39.0	14,958	2.6	0.8	Click
19	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	22.2	26.3	8.0	2,279	3.5	0.5	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	22.5	3,585	6.3	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn